

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành; thủ tục hành chính nội bộ thay thế trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1193/QĐ BNNMT ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành; thủ tục hành chính nội bộ thay thế giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2583/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **03** thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ lĩnh vực môi trường bao gồm: 01 TTHC mới ban hành, 02 TTHC được thay thế trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế TTHC số 1 và 2 tại Phụ lục của Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THAY THẾ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường		
1.	Lấy ý kiến để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi	Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố

2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ thay thế

STT	Tên TTHC nội bộ bị thay thế	Tên TTHC nội bộ thay thế	Tên VBQPPL quy định TTHC nội bộ thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (6.005530)	Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 2, Điều 1, Luật số 146/2025/QH15. - Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐCP. - Điều 2, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.	Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố
2.	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc	Bảo vệ môi trường và Điều 2 Nghị định số			

biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (6.005531)	48/2026/NĐ-CP			
--	---------------	--	--	--

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

1. Lấy ý kiến để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Trong quá trình xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và thuộc trường hợp phải lấy ý kiến, Cơ quan/người có thẩm quyền thẩm định gửi Văn bản lấy ý kiến Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 04b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc lấy ý kiến nội bộ trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương.

Bước 2: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan/đơn vị thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh cho ý kiến về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án đầu tư theo Mẫu số 04b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

1.2. Cách thức thực hiện: Xin ý kiến bằng văn bản.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Văn bản lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi theo Mẫu số 04b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan/người có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền, trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Hoặc

Cơ quan/đơn vị thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh (trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương).

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản cho ý kiến về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án đầu tư số 04c Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 04b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Trong quá trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đối các dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi và thuộc trường hợp phải lấy ý kiến bằng văn bản.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

Mẫu số 04b. Văn bản lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi
*(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số
09/2026/TT-BNNMT)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v lấy ý kiến xả nước thải
vào công trình thủy lợi để phê
duyet kết quả thẩm định báo
 cáo ĐTM của Dự án (2)

Kính gửi: (3)

Thực hiện quy định về việc lấy ý kiến xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, (1) gửi đến (3) thông tin về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án (2), cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải:.....
2. Vị trí xả nước thải:.....
3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất m³/ngày đêm.
4. Quy chuẩn áp dụng:.....

Đề nghị quý Cơ quan có ý kiến bằng văn bản và gửi về (1) (nêu chi tiết địa chỉ liên hệ) trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này. Trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định;
- (2) Tên dự án;
- (3) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi.

Mẫu số 04c. Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v phê duyệt kết quả
thẩm định báo cáo ĐTM
của Dự án (2)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (3) về việc lấy ý kiến về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2). Sau khi xem xét, (1) có ý kiến về các nội dung cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải:.....
2. Vị trí xả nước thải:.....
3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất m³/ngày đêm.
4. Quy chuẩn áp dụng:.....

Kết luận: đồng thuận về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi; trường hợp không đồng thuận, (1) nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý.

Trên đây là ý kiến của (1), kính gửi (3) để xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi;
- (2) Tên dự án;
- (3) Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THAY THẾ

1. Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (viết tắt là Kế hoạch).

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập Kế hoạch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Kế hoạch.

Bước 2: Lập Kế hoạch.

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập Kế hoạch phối hợp với đơn vị tư vấn lập Kế hoạch.

Bước 3: Xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập Kế hoạch có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với dự thảo Kế hoạch.

Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì lập Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

Bước 4: Tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch. Sau khi họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị chủ trì lập Kế hoạch có trách nhiệm hoàn thiện Kế hoạch theo ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

Bước 5: Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch.

Bước 6: Công bố Kế hoạch.

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập Kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố Kế hoạch sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Dự thảo Kế hoạch.

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch.

Báo cáo tổng hợp Kế hoạch.

Bản đồ các điểm ô nhiễm, khu vực ô nhiễm (nếu có).

Bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Số lượng hồ sơ: bản điện tử và 01 bản giấy.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì xây dựng Kế hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì xây dựng Kế hoạch.

Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường.

Khoản 2, Điều 1, Luật số 146/2025/QH15.

Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.